

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán.**

Công ty: Ngân hàng TMCP Kiên Long

Mã chứng khoán: KLB

Trụ sở chính: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: 0297 3869 950 Fax: 0297 3877 538

Người thực hiện công bố thông tin: TRẦN NGỌC MINH

Địa chỉ: CT2 Chung cư C14 Bộ Công An, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: Di động 0945 69 6998; Cơ quan: 0297 3869 950

Fax: 0297 3877 538

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 Ngân hàng TMCP Kiên Long (Đính kèm Báo cáo).

2. Công văn số 1231/NHKL ngày 18 /8/2022 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất lũy kế 6 tháng năm 2022 sau kiểm toán (Đính kèm Công văn).

3. Công bố thông tin Công văn số 1230/NHKL ngày 18 /8/2022 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế riêng lẻ lũy kế 6 tháng năm 2022 sau kiểm toán (Đính kèm Công văn).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Kiên Long vào ngày 19 /8/2022 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. HCQT.



Trần Ngọc Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9 - 10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 7538

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên độc lập

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên
Bà Vũ Hạnh Ngân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Thành viên



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Quốc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2022
Bà Trần Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Số: 1.1312/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Hồ Văn Tung - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	822.004	1.046.615
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	843.027	4.755.046
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD	V.3	21.626.075	29.872.517
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3.1	20.626.075	29.085.727
2. Cho vay các TCTD khác	V.3.2	1.000.000	786.790
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.4	961.125	-
1. Chứng khoán kinh doanh	V.4	961.125	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	V.4	-	-
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.5	6.675	6.036
VI. Cho vay khách hàng		38.089.171	38.020.523
1. Cho vay khách hàng	V.6	38.603.289	38.387.339
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.7	(514.118)	(366.816)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.8	7.137.096	7.087.660
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.8	844.716	1.641.483
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.8	6.298.341	5.452.133
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.8	(5.961)	(5.956)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X. Tài sản cố định		1.374.474	1.403.268
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	668.508	692.501
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.083.819	1.079.371
b. Hao mòn tài sản cố định		(415.311)	(386.870)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	705.966	710.767
a. Nguyên giá tài sản cố định		795.228	795.228
b. Hao mòn tài sản cố định		(89.262)	(84.461)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản có khác		2.875.279	1.630.823
1. Các khoản phải thu	V.11	1.947.258	677.494
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.12	634.546	655.388
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.306	1.306
4. Tài sản có khác	V.13	321.473	325.939
Trong đó: lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho		(29.304)	(29.304)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		73.734.926	83.822.488

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
1. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		-	-
2. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.14	23.567.225	25.830.794
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.14	20.614.652	25.772.472
2. Vay các TCTD khác	V.14	2.952.573	58.322
III. Tiền gửi của khách hàng	V.15	43.219.228	51.397.605
IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá		400.000	300.000
VII. Các khoản nợ khác		1.642.016	1.614.672
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.16	824.093	1.027.911
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.17	817.923	586.761
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
Tổng nợ phải trả		68.828.469	79.143.071
VIII. Vốn và các quỹ	V.18	4.906.457	4.679.417
1. Vốn của TCTD		3.618.619	3.618.619
a. <i>Vốn điều lệ</i>	V.18	3.652.819	3.652.819
b. <i>Vốn đầu tư XD CB</i>		-	-
c. <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>		-	-
d. <i>Cổ phiếu quỹ</i>	V.18	(34.200)	(34.200)
e. <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
f. <i>Vốn khác</i>		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.18, 19	406.062	290.521
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(10.685)	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.18	892.461	770.277
6. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.734.926	83.822.488

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		10.952.190	15.964.295
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		347.925	1.142.500
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		487.095	1.142.500
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		10.117.170	13.679.295
<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	18.619	9.042
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	326.393	334.284
6. Các cam kết khác		-	-
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.5	612.203	538.587
8. Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.6	930.356	987.039
9. Tài sản và chứng từ khác	VIII.7	22.052.294	12.961.938

Rạch Giá, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	2.382.180	3.256.506
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	1.433.270	2.029.645
	I. Thu nhập lãi thuần		948.910	1.226.861
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	170.079	138.963
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	12.783	7.129
	II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	157.296	131.834
	III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	44.103	10.613
	IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
	V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	9.215	45.996
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	30.853	44.986
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	2.021	12.195
	VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	28.832	32.791
	VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	-	1.709
	VIII. Chi phí hoạt động	VI.8	692.816	581.710
	IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		495.540	868.094
	X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	V.7	147.302	62.392
	XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		348.238	805.702
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	70.149	198.819
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
	XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		70.149	198.819
	XIII. Lợi nhuận sau thuế		278.089	606.883
	XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	VI.9a, b	769	1.798

Rạch Giá, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Thị Duyên
Kế toán viênPhạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.403.023	3.686.979
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.637.088)	(1.928.772)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được		157.296	131.834
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		53.319	56.609
05.	Thu nhập khác		(80)	(9.978)
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	26.796	32.289
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(640.071)	(512.043)
08.	Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(89.992)	(7.926)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động			273.203	1.448.992
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.010.561)	(2.724.774)
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(638)	-
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(215.950)	(952.229)
13.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	(7.984)
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(1.217.968)	(29.227)
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		(2.263.568)	(2.030.662)
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		(8.178.377)	4.414.387
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		100.000	(300.000)
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		192.690	27.642
22.	Chi từ các quỹ của TCTD		(1.268)	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			(12.322.437)	(153.855)

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01.	Mua sắm tài sản cố định		(52.065)	(11.533)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2.115	10.479
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chỉ đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	5.250
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.7	-	1.709
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			(49.950)	5.905
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			(12.372.387)	(147.950)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm			35.674.178	16.168.874
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			(10.685)	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ			23.291.106	16.020.924

Rạch Giá, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Thị Duyên
Kế toán viênPhạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.652.819 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi một (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại Tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 3.441 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.369 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017. Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiếu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

4. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Cho vay các tổ chức tín dụng khác

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

5. Chứng khoán kinh doanh

Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Tập đoàn trở thành bên đối tác trong các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này.

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được phản ánh theo giá trị sổ sách trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Mức trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tối đa bằng giá trị sổ sách của khoản chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm khi số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã trích lập ở báo cáo năm trước, hoặc tại các thời điểm khác khi lập Báo cáo tài chính mà Tập đoàn không còn nắm giữ bất kỳ loại chứng khoán kinh doanh nào.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi thu các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

6. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, kế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tập đoàn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Tập đoàn không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

Khi Tập đoàn tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Tập đoàn phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Tập đoàn. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19.

Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Tập đoàn sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.

Tập đoàn chuyển khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

7. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Tập đoàn đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Các tài sản có khác

Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn.

Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

14. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện đã ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

15. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<u>Trích lập hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thu tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

17. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong kỳ không được hạch toán là thu nhập và Tập đoàn thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong kỳ.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

19. Thu nhập cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	775.432	975.244
Tiền mặt bằng ngoại tệ	46.572	71.371
Cộng	822.004	1.046.615

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	833.031	3.007.395
Tiền gửi bằng ngoại tệ	9.996	1.747.651
Cộng	843.027	4.755.046

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	11.914.724	8.624.587
Bằng VND	11.528.831	7.102.790
Bằng ngoại tệ	385.893	1.521.797
Tiền gửi có kỳ hạn	8.711.351	20.461.140
Bằng VND	6.623.800	13.126.290
Bằng ngoại tệ	2.087.551	7.334.850
Cộng	20.626.075	29.085.727

3.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay các TCTD khác	1.000.000	786.790
Bằng VND	1.000.000	786.790
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Cộng	1.000.000	786.790

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phân tích chất lượng nợ vay

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, tất cả các khoản tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.

4. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán nợ

Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (chưa niêm yết)

Dự phòng giảm giá

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

961.125

-

-

-

961.125

-

5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

Tổng giá trị hợp
đồng (theo tỷ giá
hối đoái tại ngày
hiệu lực
hợp đồng)

Tổng giá trị ghi sổ
(theo tỷ giá hối
đoái tại ngày
cuối kỳ)

Số cuối kỳ

Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ)

1.211.305

5.165

Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)

2.737.010

1.510

Cộng

3.948.315

6.675

Số đầu năm

Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)

5.467.186

6.036

Cộng

5.467.186

6.036

6. Cho vay khách hàng

Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước

Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

38.599.315

38.380.230

3.974

7.109

38.603.289

38.387.339

Phân tích chất lượng nợ vay

Nợ đủ tiêu chuẩn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

37.630.982

37.454.982

Nợ cần chú ý

221.190

206.181

Nợ dưới tiêu chuẩn

51.433

98.389

Nợ nghi ngờ

125.415

95.906

Nợ có khả năng mất vốn

574.269

531.881

Cộng

38.603.289

38.387.339

Phân tích dư nợ theo thời gian

Nợ ngắn hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

19.724.725

22.646.432

Nợ trung hạn

11.459.302

7.864.682

Nợ dài hạn

7.419.262

7.876.225

Cộng

38.603.289

38.387.339

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp***

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hộ kinh doanh và cá nhân	23.685.128	26.124.777
Công ty trách nhiệm hữu hạn	10.675.640	7.231.663
Công ty cổ phần	4.240.241	5.027.576
Doanh nghiệp tư nhân	2.280	3.323
Cộng	38.603.289	38.387.339

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	8.234.713	11.215.740
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.289.125	7.407.912
Hoạt động dịch vụ khác	15.250.747	11.981.882
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	3.247.286	3.362.115
Hoạt động đầu tư	474.893	487.400
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	2.719.441	2.049.933
Xây dựng	946.023	983.802
Vận tải kho bãi	202.051	653.914
Công nghiệp chế biến, chế tạo	22.434	23.184
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	196.493	203.287
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.690	3.035
Thông tin và truyền thông	409	422
Giáo dục và đào tạo	10.725	10.805
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2.050	2.800
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	3.625	524
Khai khoáng	500	500
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	84	84
Cộng	38.603.289	38.387.339

7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng***Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng***

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Kỳ này		
Số đầu năm nay	(260.629)	(106.187)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	(11.377)	(135.925)
Số dư cuối kỳ này	(272.006)	(242.112)
Kỳ trước		
Số đầu năm trước	(234.686)	(58.467)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ trước	(29.841)	(32.551)
Sử dụng dự phòng trong kỳ trước	-	7.984
Số cuối kỳ trước	(264.527)	(83.034)

Chi tiết số dư dự phòng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:		
Dự phòng chung	(272.006)	(260.629)
Dự phòng cụ thể	(242.112)	(106.187)
Cộng	(514.118)	(366.816)

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chứng khoán đầu tư

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	844.716	1.641.483
Chứng khoán nợ		
- Chứng khoán Chính phủ	49.767	447.176
- Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	400.000
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	794.949	794.307
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(5.961)	(5.956)
Dự phòng chung	(5.961)	(5.956)
Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	838.755	1.635.527
 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ ⁽ⁱ⁾	6.198.341	5.152.133
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	100.000	300.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	6.298.341	5.452.133
Cộng chứng khoán đầu tư	7.137.096	7.087.660

- (i) Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 25.000 triệu VND (số đầu năm là 1.469.000 triệu VND) được Tập đoàn cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở (xem thuyết minh số IX.5).

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	(5.956)	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	(5)	-
Số dư cuối kỳ	(5.961)	-

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	729.488	73.163	126.858	125.830	24.032	1.079.371
Mua trong kỳ	71	161	-	1.223	-	1.455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	3.278	-	3.278
Thanh lý, nhượng bán	-	(285)	-	-	-	(285)
Số cuối kỳ	729.559	73.039	126.858	130.331	24.032	1.083.819
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.071	11.210	39.745	30.066	10.744	96.836
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161.498	36.850	85.849	88.223	14.450	386.870
Khấu hao trong kỳ	14.309	2.916	4.836	6.116	549	28.726
Thanh lý, nhượng bán	-	(285)	-	-	-	(285)
Số cuối kỳ	175.807	39.481	90.685	94.339	14.999	415.311

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	567.990	36.313	41.009	37.607	9.582	692.501
Số cuối kỳ	553.752	33.558	36.173	35.992	9.033	668.508
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	686.287	98.250	10.691	795.228
Số cuối kỳ	686.287	98.250	10.691	795.228
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	44.982	5.675	50.657
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	8.662	68.272	7.527	84.461
Khấu hao trong kỳ	907	3.433	461	4.801
Số cuối kỳ	9.569	71.705	7.988	89.262
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	677.625	29.978	3.164	710.767
Số cuối kỳ	676.718	26.545	2.703	705.966
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	54.717	7.857
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.822	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	17.386	15.408
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	53.439	50.919
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng, Banknetvn và Upas L/C	1.668.075	480.171
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	33.886	8.739
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.104	8
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	4.046	9.985
Phải thu từ bán tài sản cố định	48.087	56.381
Khoản phải thu từ bán tài sản đảm bảo của khách hàng vay	-	5.585
Phải thu khác	62.696	38.619
Cộng	1.947.258	677.494

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cửa	4.125	4.155
Phần mềm máy vi tính	50.547	2.719
Máy móc thiết bị	45	983
Cộng	54.717	7.857

12. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	13.409	10.386
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	109.327	120.505
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	500.891	524.333
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	10.919	164
Cộng	634.546	655.388

13. Tài sản có khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	295.501	295.527
Công cụ và dụng cụ	4.682	2.718
Chi hộ các TCTD khác	29	466
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	12.564	16.258
Tài sản có khác	8.697	10.970
Cộng	321.473	325.939

14. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của các TCTD khác	20.614.652	25.772.472
Tiền gửi không kỳ hạn	11.551.536	7.041.292
<i>Bằng VND</i>	<i>11.551.536</i>	<i>7.041.292</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	9.063.116	18.731.180
<i>Bằng VND</i>	<i>5.896.892</i>	<i>13.018.680</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>3.166.224</i>	<i>5.712.500</i>
Vay các TCTD khác	2.952.573	58.322
Vay các TCTD khác bằng VND	1.029.634	57.526
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	807	796
Vay chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác	1.922.132	-
Cộng	23.567.225	25.830.794

15. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	3.878.400	7.949.405
<i>Bằng VND</i>	<i>3.867.179</i>	<i>7.904.259</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>11.221</i>	<i>45.146</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.657.722	3.797.222
<i>Bằng VND</i>	<i>3.657.722</i>	<i>3.797.222</i>
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	30.939	29.969
<i>Bằng VND</i>	<i>26.439</i>	<i>25.470</i>
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	<i>4.500</i>	<i>4.499</i>
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	35.616.673	39.607.262
<i>Bằng VND</i>	<i>35.552.037</i>	<i>39.523.124</i>
<i>Bằng ngoại tệ và vàng</i>	<i>64.636</i>	<i>84.138</i>

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền ký quỹ	35.494	13.747
Bằng VND	33.337	12.600
Bằng ngoại tệ	2.157	1.147
Cộng	43.219.228	51.397.605

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	5.695.524	10.418.373
Công ty cổ phần	3.390.859	8.393.978
Công ty trách nhiệm hữu hạn	1.221.705	937.314
Doanh nghiệp tư nhân	2.826	15.205
Các đơn vị khác	1.080.134	1.071.876
Tiền gửi của cá nhân	37.523.704	40.979.232
Cộng	43.219.228	51.397.605

16. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	773.786	998.963
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	40.442	27.498
Lãi phải trả cho tiền vay	2.160	54
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phải sinh	7.705	1.396
Cộng	824.093	1.027.911

17. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	58.160	76.179
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	46.403	27.184
Các khoản chờ thanh toán khác	622.421	431.941
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	49.220	10.124
Chuyển tiền phải trả	3.791	3.715
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	22.332	18.359
Phải trả khác	15.596	19.259
Cộng	817.923	586.761

⁽ⁱ⁾ Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.124	1.096
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	40.364	9.028
Chi quỹ	(1.268)	-
Số cuối kỳ	49.220	10.124

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vốn và quỹ của Tập đoàn****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.236.958	(34.200)	271.573	-	443.841	3.918.172
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	606.883	606.883
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	18.948	-	(18.948)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.028)	(9.028)
Số dư cuối kỳ trước	3.236.958	(34.200)	290.521	-	1.022.748	4.516.027
Số dư đầu năm nay	3.652.819	(34.200)	290.521	-	770.277	4.679.417
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	278.089	278.089
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(10.685)	-	(10.685)
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ này từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	115.541	-	(115.541)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(40.364)	(40.364)
Số dư cuối kỳ này	3.652.819	(34.200)	406.062	(10.685)	892.461	4.906.457

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365.281.878	365.281.878
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.281.878	365.281.878
- Cổ phiếu phổ thông	365.281.878	365.281.878
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361.481.878	361.481.878
- Cổ phiếu phổ thông	361.481.878	361.481.878
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các quỹ của Tập đoàn

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.215	243.355	3	271.573
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	6.316	12.632	-	18.948
Số dư cuối kỳ trước	34.531	255.987	3	290.521
Số dư đầu năm nay	34.531	255.987	3	290.521
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong kỳ này từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	38.514	77.027	-	115.541
Số dư cuối kỳ này	73.045	333.014	3	406.062

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	63.491	40.797
Thu lãi cho vay	2.168.459	3.098.034
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	145.663	68.717
Thu phí từ bảo lãnh	2.696	1.978
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.871	46.980
Cộng	2.382.180	3.256.506

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	1.186.761	1.442.509
Trả lãi tiền vay	7.804	1.626
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	12.944	28.108
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	225.761	557.402
Cộng	1.433.270	2.029.645

3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	170.079	138.963
Thu từ dịch vụ thanh toán	117.227	20.481
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	2.313	4.281
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	12.379	11.165
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	430	386
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	30.241	21.945
Thu từ dịch vụ tư vấn	-	77.852
Thu khác	7.489	2.853
Chi phí hoạt động dịch vụ	12.783	7.129
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	8.246	5.388
Chi về dịch vụ tư vấn	3.266	420
Chi về dịch vụ khác	1.271	1.321
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	157.296	131.834

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối	208.722	70.631
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	145.796	59.931
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	62.926	10.700
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	164.619	60.018
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	51.084	2.169
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	113.535	57.849
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	44.103	10.613

NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	15.693	47.219
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	(6.473)	(1.223)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(5)	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	9.215	45.996

6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	30.853	44.986
Thu từ bán tài sản gán nợ	2.115	10.479
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	26.796	32.289
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	1.942	2.218
Chi phí hoạt động khác	2.021	12.195
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	853	10.792
Chi phí khác	1.168	1.403
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	28.832	32.791

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác	-	1.709
Cộng	-	1.709

8. Chi phí hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	7.271	8.301
Chi phí cho nhân viên	480.962	360.636
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	433.538	322.875
Các khoản chi đóng góp theo lương	26.575	25.354
Chi phí khác cho nhân viên	20.849	12.407
Chi về tài sản	91.553	106.702
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.527	33.622
Chi phí thuê tài sản	36.329	35.350
Chi sửa chữa, bảo trì	15.966	29.573
Chi mua sắm công cụ lao động	5.635	8.061
Chi phí khác	96	96
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	84.169	76.547
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	9.096	11.680
Công tác phí	3.184	2.090
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	18.218	15.905
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	19.702	17.191
Chi phí đào tạo	88	143

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	27.006	24.670
Chi phí khác	6.875	4.868
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	28.861	29.524
Cộng	692.816	581.710

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	278.089	606.883
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	-	(31.801)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	278.089	575.082
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	361.481.878	319.895.796
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	769	1.798

- ⁽ⁱ⁾ Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng thông qua.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 5,24% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc áp dụng này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 1.897 VND xuống còn 1.798 VND.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	30/06/2021
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	822.004	971.043
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	843.027	1.777.707
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	12.914.724	2.304.156
Tiền gửi các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.711.351	10.968.018
Cộng	23.291.106	16.020.924

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.419	3.285
<i>Thu nhập của nhân viên</i>		
Tổng quỹ lương	348.228	288.012
Tiền thưởng	85.310	34.863
Tổng thu nhập	433.538	322.875
<i>Tiền lương bình quân/tháng</i>	<i>17</i>	<i>15</i>
<i>Thu nhập bình quân/tháng</i>	<i>21</i>	<i>16</i>

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	3.774	15.870	(14.180)	5.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.088	70.149	(89.992)	49.245
Các loại thuế khác	3.317	21.928	(21.794)	3.451
Cộng	76.179	107.947	(125.966)	58.160

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kiên Long	70.149	198.819
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long	-	-
Cộng	70.149	198.819

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bất động sản	59.272.178	61.386.087
Máy móc và thiết bị	156.569	451.033
Phương tiện vận tải	1.219.292	1.325.960
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	156.000	224.250
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế	14.458.546	2.946.538
Sổ tiết kiệm	4.349.726	6.789.952
Tài sản khác	4.832.247	12.193.968
Cộng	84.444.558	85.317.788

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i>	<i>18.619</i>	<i>9.042</i>
Giá trị theo hợp đồng	20.694	13.025
Trừ: Tiền ký quỹ	(2.075)	(3.983)
Bảo lãnh khác	326.393	334.284
Giá trị theo hợp đồng	328.390	337.073
Trừ: Tiền ký quỹ	(1.997)	(2.789)

5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Lãi cho vay chưa thu được.

6. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	196.178	211.056
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	734.178	775.983
Cộng	930.356	987.039

7. Tài sản và chứng từ khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản khác giữ hộ	21.229.533	12.133.407
Tài sản thuê ngoài	1.499	1.499
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	821.262	827.032
Cộng	22.052.294	12.961.938

8. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong kỳ này là 19.093 triệu VND (kỳ trước là 14.292 triệu VND).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	65	40
Thù lao	8.689	5.990
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	11	45
Tiền lương và thưởng	7.310	6.812
Thành viên Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	-	309
Thù lao	3.094	1.490
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	9.030	506
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	6.132	810
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	34	67

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	3.487	3.829
Lãi phải trả	3	3
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	8.380	16.732
Lãi phải trả	5	4
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	204	220
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	847.207	2.183.829
Lãi phải trả	56	1.363
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	1.260.256	2.731.799
Lãi phải trả	3.878	1.095
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	1.182	1.808
Lãi phải trả	24	20
Cộng nợ phải trả	2.124.682	4.940.702

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi, cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư
Số cuối kỳ	61.072.391	66.786.453	400.000	349.084	8.104.182
Trong nước	61.072.391	66.786.453	400.000	349.084	8.104.182
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Số đầu năm	73.014.902	77.228.399	300.000	350.098	7.093.616
Trong nước	73.014.902	77.228.399	300.000	350.098	7.093.616
Nước ngoài	-	-	-	-	-

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Ngân hàng phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Ngân hàng, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Ngân hàng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	843.027	4.755.046
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	21.626.075	29.872.517
Chứng khoán kinh doanh – gộp	961.125	-
Cho vay khách hàng – gộp	38.603.289	38.387.339
Chứng khoán đầu tư – gộp	7.143.057	7.093.616
Các khoản lãi, phí phải thu	634.546	655.388
Các tài sản tài chính khác – gộp	1.820.612	603.302
Cộng	71.631.731	81.367.208
Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	20.694	13.025
Bảo lãnh khác – gộp	328.390	337.073
Cộng	349.084	350.098

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	822.004	-	-	-	-	822.004
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	843.027	-	-	-	-	843.027
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	18.014.475	2.611.600	1.000.000	-	-	21.626.075
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	961.125	-	-	961.125
Công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.675	-	-	-	-	6.675
Cho vay khách hàng (*)	751.118	221.190	1.875.072	1.823.216	15.352.253	12.156.310	6.424.130	38.603.289
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	100.000	-	794.949	6.248.108	7.143.057
Tài sản cố định	-	-	607.044	110	3.933	64.214	699.173	1.374.474
Các tài sản có khác (*)	54.483	-	634.546	2.215.554	-	-	-	2.904.583
Tổng tài sản	805.601	221.190	22.802.843	6.750.480	17.317.311	13.015.473	13.371.411	74.284.309
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	19.561.350	2.981.784	1.015.683	5.417	2.991	23.567.225
Tiền gửi của khách hàng	-	-	10.045.123	7.590.908	21.935.669	3.646.403	1.125	43.219.228
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	300.000	100.000	-	-	400.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.642.016	-	-	-	-	1.642.016
Tổng nợ phải trả	-	-	31.248.489	10.872.692	23.051.352	3.651.820	4.116	68.828.469
Chênh lệch thanh khoản ròng	805.601	221.190	(8.445.646)	(4.122.212)	(5.734.041)	9.363.653	13.367.295	5.455.840

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.046.615	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	726.176	206.181	4.100.238	4.583.948	13.483.129	8.759.677	6.527.990	38.387.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Tài sản cố định	-	-	607.663	10	3.582	58.463	733.550	1.403.268
Các tài sản có khác (*)	54.510	-	655.388	950.229	-	-	-	1.660.127
Tổng tài sản	780.686	206.181	38.998.083	7.729.607	13.636.711	10.012.447	12.860.849	84.224.564
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	33.498	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.344.960	11.677.946	20.547.527	1.826.319	853	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.614.672	-	-	-	-	1.614.672
Tổng nợ phải trả	-	-	42.686.634	13.724.844	20.881.025	1.841.319	9.249	79.143.071
Chênh lệch thanh khoản ròng	780.686	206.181	(3.688.551)	(5.995.237)	(7.244.314)	8.171.128	12.851.600	5.081.493

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. **Rủi ro thị trường**

Tập đoàn chịu các rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	822.004	-	-	-	-	-	-	822.004
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	843.027	-	-	-	-	-	843.027
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	18.014.475	2.611.600	-	1.000.000	-	-	21.626.075
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	798.964	162.161	-	-	961.125
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.675	-	-	-	-	-	6.675
Cho vay khách hàng (*)	972.308	-	1.875.072	1.823.216	5.401.043	9.951.210	12.156.310	6.424.130	38.603.289
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	100.000	-	-	794.949	6.248.108	7.143.057
Tài sản cố định	-	1.374.474	-	-	-	-	-	-	1.374.474
Các tài sản có khác (*)	54.483	2.850.100	-	-	-	-	-	-	2.904.583
Tổng tài sản	1.026.791	5.046.578	20.739.249	4.534.816	6.200.007	11.113.371	12.951.259	12.672.238	74.284.309
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	19.561.350	2.981.784	683	1.015.000	5.417	2.991	23.567.225
Tiền gửi của khách hàng	-	-	10.045.123	7.590.908	10.373.931	11.561.738	3.646.403	1.125	43.219.228
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	300.000	-	100.000	-	-	400.000
Các khoản nợ khác	-	1.642.016	-	-	-	-	-	-	1.642.016
Tổng nợ phải trả	-	1.642.016	29.606.473	10.872.692	10.374.614	12.676.738	3.651.820	4.116	68.828.469
Mức chênh lệch cảm với lãi suất									
- nội bảng	1.026.791	3.404.562	(8.867.224)	(6.337.876)	(4.174.607)	(1.563.367)	9.299.439	12.668.122	5.455.840

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	1.046.615	-	-	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	932.357	-	4.100.238	4.583.948	5.299.743	8.183.386	8.759.677	6.527.990	38.387.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	-	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Tài sản cố định	-	1.403.268	-	-	-	-	-	-	1.403.268
Các tài sản có khác (*)	54.510	1.605.617	-	-	-	-	-	-	1.660.127
Tổng tài sản	986.867	4.055.500	36.688.417	6.779.368	5.299.743	8.333.386	9.953.984	12.127.299	84.224.564
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	26.465	7.033	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.344.960	11.677.946	10.328.911	10.218.616	1.826.319	853	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	1.614.672	-	-	-	-	-	-	1.614.672
Tổng nợ phải trả	-	1.614.672	41.071.962	13.724.844	10.355.376	10.525.649	1.841.319	9.249	79.143.071
Mức chênh lệch cảm với lãi suất									
- nội bảng	986.867	2.440.828	(4.383.545)	(6.945.476)	(5.055.633)	(2.192.263)	8.112.665	12.118.050	5.081.493

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	38.993	3.720	3.858	46.571
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	9.996	-	-	9.996
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	2.462.867	3.377	7.200	2.473.444
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(3.941.640)	-	-	(3.941.640)
Cho vay khách hàng (*)	152.989	-	-	152.989
Tổng tài sản	(1.276.795)	7.097	11.058	(1.258.640)
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.167.031	-	-	3.167.031
Tiền gửi của khách hàng	77.647	2.441	2.426	82.514
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.244.678	2.441	2.426	3.249.545
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(4.521.473)	4.656	8.632	(4.508.185)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(4.521.473)	4.656	8.632	(4.508.185)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	64.641	2.248	4.482	71.371
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.747.650	-	-	1.747.650
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	8.821.021	2.985	819.431	9.643.437
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(5.461.150)	-	-	(5.461.150)
Cho vay khách hàng (*)	201.206	-	-	201.206
Tổng tài sản	5.373.368	5.233	823.913	6.202.514
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	5.713.295	-	-	5.713.295
Tiền gửi của khách hàng	130.847	1.032	50.896	182.775
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	5.844.142	1.032	50.896	5.896.070
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(470.774)	4.201	773.017	306.444
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(470.774)	4.201	773.017	306.444

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 25.000 triệu VND (số đầu năm là 1.469.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.8).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	822.004	-	1.046.615	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	843.027	-	4.755.046	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	21.626.075	-	29.872.517	-
Chứng khoán kinh doanh	961.125	-	-	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	6.675	-	6.036	-
Cho vay khách hàng	38.603.289	(514.118)	38.387.339	(366.816)
Chứng khoán đầu tư	7.143.057	(5.961)	7.093.616	(5.956)
Các khoản lãi, phí phải thu	634.546	-	655.388	-
Các tài sản có khác	1.820.612	(29.304)	603.302	(29.304)
Cộng	72.460.410	(549.383)	82.419.859	(402.076)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	23.567.225	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	43.219.228	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	400.000	300.000
Các khoản lãi, phí phải trả	824.093	1.027.911
Các khoản nợ khác	664.140	473.274
Cộng	68.674.686	79.029.584

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
I. Thu nhập	429.856	283.875	400.424	399.307	2.656.793	3.321.601	(679.546)	(444.769)	2.807.527	3.560.014
1. Thu nhập lãi	408.533	266.698	372.299	380.259	2.280.894	3.054.318	(679.546)	(444.769)	2.382.180	3.256.506
Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài	337.369	143.482	282.814	304.693	1.761.997	2.808.331	-	-	2.382.180	3.256.506
Thu nhập lãi nội bộ	71.164	123.216	89.485	75.566	518.897	245.987	(679.546)	(444.769)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	16.203	15.620	25.753	18.371	128.123	104.972	-	-	170.079	138.963
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	5.120	1.557	2.372	677	247.776	162.311	-	-	255.268	164.545
II. Chi phí	251.344	229.394	316.217	340.918	2.423.972	2.566.377	(679.546)	(444.769)	2.311.987	2.691.920
1. Chi phí lãi	204.824	195.107	226.820	261.956	1.681.172	2.017.351	(679.546)	(444.769)	1.433.270	2.029.645
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	161.315	188.983	210.788	247.485	1.061.167	1.593.177	-	-	1.433.270	2.029.645
Chi phí lãi từ nội bộ	43.509	6.124	16.032	14.471	620.005	424.174	(679.546)	(444.769)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	475	508	4.041	4.067	29.011	29.047	-	-	33.527	33.622
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	46.045	33.779	85.356	74.895	713.789	519.979	-	-	845.190	628.653
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	178.512	54.481	84.207	58.389	232.821	755.224	-	-	495.540	868.094
Chi phí dự phòng rủi ro	31.284	16.448	11.483	6.537	104.535	39.407	-	-	147.302	62.392
Kết quả kinh doanh bộ phận	147.228	38.033	72.724	51.852	128.286	715.817	-	-	348.238	805.702



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản	9.167.130	5.241.749	4.923.140	6.434.940	59.644.656	72.145.799	-	-	73.734.926	83.822.488
1. Tiền mặt	59.137	99.638	133.260	177.990	629.607	768.987	-	-	822.004	1.046.615
2. Tài sản cố định	3.122	3.488	246.271	250.264	1.125.081	1.149.516	-	-	1.374.474	1.403.268
3. Tài sản khác	9.104.871	5.138.623	4.543.609	6.006.686	57.889.968	70.227.296	-	-	71.538.448	81.372.605
II. Nợ phải trả	6.713.944	12.186.420	6.758.250	7.518.534	55.356.275	59.438.117	-	-	68.828.469	79.143.071
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	6.712.748	12.184.206	6.755.947	7.516.765	54.541.851	58.855.339	-	-	68.010.546	78.556.310
2. Nợ phải trả khác	1.196	2.214	2.303	1.769	814.424	582.778	-	-	817.923	586.761

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.

Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Thu nhập	2.792.822	28.481	(13.776)	2.807.527
Chi phí	2.410.455	29.083	(13.776)	2.425.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.349	178	-	33.527
Lợi nhuận trước thuế	349.018	(780)	-	348.238
Kỳ trước				
Thu nhập	3.544.550	27.897	(12.433)	3.560.014
Chi phí	2.703.407	29.716	(12.433)	2.720.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.436	186	-	33.622
Lợi nhuận trước thuế	807.707	(2.005)	-	805.702

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản bộ phận	73.982.089	530.367	(777.530)	73.734.926
Nợ phải trả bộ phận	69.097.892	8.107	(277.530)	68.828.469
Số đầu năm				
Tài sản bộ phận	84.055.630	531.568	(764.710)	83.822.488
Nợ phải trả bộ phận	79.399.528	8.253	(264.710)	79.143.071

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	58.821	57.461
Trong vòng 2 đến 5 năm	157.190	175.780
Trên 5 năm	33.585	51.099
Cộng	249.596	284.340

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Rạch Giá, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Thị Duyên
Kế toán viên

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

